

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Hỗn dịch uống

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thông báo ngay cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

1. Thành phần, hàm lượng của thuốc:

Mỗi gói (20 g) chứa:

Nhôm phosphat (hỗn dịch 20%) 12,38 g

Tá dược: *Sorbitol lỏng, natri saccharin, bột hương dâu, xanthan gum, propylen glycol, methyl paraben, propyl paraben, tinh dầu bạc hà, nước tinh khiết.*

2. Mô tả sản phẩm: Chế phẩm màu trắng, thể chất giống sữa, thơm mùi bạc hà và mùi dâu, vị ngọt.

3. Quy cách đóng gói: Hộp 20 gói x 20 g.

4. Thuốc dùng cho bệnh gì?

Sản phẩm ALUMINIUM PHOSPHAT GEL chứa thành phần chính có tác dụng dược lý là nhôm phosphat, thuộc nhóm thuốc gọi là Thuốc kháng acid. ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có tác dụng giảm acid dịch vị dư thừa để làm giảm độ acid trong dạ dày, đồng thời tạo lớp màng bảo vệ niêm mạc dạ dày.

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL được sử dụng để:

- Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày (chứng ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu do tăng acid).
- Điều trị tăng acid dạ dày trong loét dạ dày tá tràng.
- Phòng và điều trị loét và chảy máu dạ dày tá tràng do stress.
- Điều trị triệu chứng trào ngược dạ dày thực quản.

5. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Luôn dùng thuốc chính xác như hướng dẫn của bác sỹ hoặc dược sỹ. Nếu bạn chưa rõ, hãy hỏi lại cho chắc chắn.

Liều dùng:

Liều dùng thông thường: 1 - 2 gói/ lần, ngày 2 - 3 lần.

Cách dùng:

Thuốc dùng đường uống. Uống giữa các bữa ăn hoặc khi thấy khó chịu.

6. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Không nên dùng thuốc này nếu bạn mẫn cảm với nhôm hoặc chế phẩm có chứa nhôm hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Không dùng thuốc nếu bạn gặp phải bất kỳ trường hợp nào ở trên. Tham khảo ý kiến của bác sỹ nếu bạn chưa chắc chắn.

7. Tác dụng không mong muốn

Như các thuốc khác, ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có thể gây tác dụng không mong muốn, nhưng không phải ai cũng gặp phải.

Ngưng dùng thuốc và liên hệ trung tâm y tế gần nhất nếu bạn gặp các phản ứng sau:

Bạn có các triệu chứng phù mạch như ban da, mẫn đỏ, phù (mí mắt, mặt, môi, miệng và lưỡi), khó thở hoặc khó nuốt. Đây là các triệu chứng của phản ứng quá mẫn.

Các tác dụng không mong muốn khác:

Thường gặp: Táo bón.

Thuốc có thể gây ra các tác dụng không mong muốn khác, thông báo ngay cho bác sỹ nếu gặp phải những tác dụng không mong muốn sau khi sử dụng thuốc.

8. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

Thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ của bạn về tất cả các loại thuốc mà bạn đang sử dụng hoặc sử dụng gần đây, bao gồm cả các thuốc kê đơn hoặc không kê đơn, các vitamin hoặc thuốc từ dược liệu.

Thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ nếu bạn đang sử dụng các thuốc sau:

Tetracyclin (kháng sinh). Bạn nên dùng tetracyclin cách thời điểm dùng nhôm phosphat ít nhất 1 - 2 giờ.

Digoxin (điều trị vấn đề về tim).

Indomethacin (kháng viêm).

Muối sắt.

Isoniazid (kháng lao).

Clodiazepoxid.

Naproxen.

Dicumarol.

Pseudoephedrin.

Diazepam.

Amphetamin.

Quinidin.

Aspirin.

Nếu bạn gặp bất kỳ trường hợp nào ở trên (hoặc bạn không chắc chắn), hãy thảo luận với bác sỹ trước khi uống thuốc.

Sử dụng ALUMINIUM PHOSPHAT GEL với thức ăn

Uống thuốc trong hoặc ngay sau bữa ăn.

9. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Nếu bạn quên không dùng 1 liều, uống thuốc ngay khi bạn nhớ lại, uống liều tiếp theo như lịch trình cũ. Không uống gấp đôi liều để bù vào liều đã quên.

10. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Giữ thuốc trong bao bì gốc của nhà sản xuất, đậy kín.

Đề thuốc nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C, và ngoài tầm với của trẻ em.

Không sử dụng thuốc sau ngày hết hạn in trên bao bì (hộp và vỉ thuốc).

11. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều

Dùng thuốc chính xác như hướng dẫn của bác sỹ. Nếu bạn dùng quá liều hoặc trẻ em nuốt phải thuốc, liên hệ ngay với bác sỹ và trung tâm y tế gần nhất.

12. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo

Ngưng dùng thuốc và liên lạc ngay với bác sỹ hoặc trung tâm y tế gần nhất. Không tự lái xe đến bệnh viện, hãy nhờ ai đó đưa bạn đi hoặc gọi ngay cho xe cấp cứu. Mang theo bao bì thuốc để bác sỹ biết bạn đã uống thuốc gì và có biện pháp xử lý kịp thời.

13. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này

Trước khi dùng thuốc này, thông báo cho bác sỹ nếu bạn đang có các vấn đề về sức khỏe sau đây:

Bạn đang có các vấn đề về thận.

Nếu bạn dùng thuốc trong vòng 2 tuần mà các triệu chứng như đầy bụng, ợ nóng, ợ chua vẫn không đỡ, hãy liên hệ với bác sỹ.

Nếu bị táo bón, bạn có thể dùng xen kẽ hoặc chuyển sang dùng các thuốc kháng acid chứa magnesi.

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có chứa sorbitol, thông báo cho bác sỹ nếu bạn từng được cho biết rằng bạn không có khả năng dung nạp bất kỳ loại đường nào.

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có chứa methyl paraben và propyl paraben có thể gây dị ứng.

Nếu bạn gặp phải các trường hợp trên (hoặc nếu bạn không chắc chắn), hãy thảo luận với bác sỹ của bạn trước khi dùng thuốc.

Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú

Phụ nữ mang thai

Thông báo cho bác sỹ nếu bạn đang mang thai hoặc đang cho con bú, nghĩ rằng mình mang thai hoặc có dự định mang thai. Có thể dùng thuốc khi đang mang thai nhưng cần tránh dùng liều cao kéo dài. Tham khảo ý kiến bác sỹ trước khi dùng thuốc.

Phụ nữ cho con bú

Thuốc có thể đi vào sữa nhưng không đủ để gây tác hại cho con bạn. Tham khảo ý kiến bác sỹ.

Lái xe và vận hành máy móc

Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

14. Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ.

Cần liên lạc ngay với bác sỹ hoặc trung tâm y tế gần nhất khi dùng thuốc quá liều chỉ định.

Thông thường, bao giờ cũng phải hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ trước lúc dùng bất kỳ thuốc nào khi mang thai hoặc cho con bú.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

15. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

PHẦN 2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

1. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Thuốc kháng acid.

Mã ATC: A02AB03.

Nhôm phosphat được dùng như một thuốc kháng acid dịch dạ dày dưới dạng gel nhôm phosphat (một hỗn dịch). Cũng giống như nhôm hydroxyd, nhôm phosphat có những đặc tính chung tương tự như làm giảm acid dịch vị dư thừa để làm giảm độ acid trong dạ dày, như vậy, làm giảm các triệu chứng trong viêm loét dạ dày tá tràng, ợ chua, ợ nóng, đầy bụng hoặc trào ngược dạ dày thực quản. Gel dạng keo tạo một màng bảo vệ tựa chất nhầy che phủ diện rộng niêm mạc đường tiêu hóa. Lớp màng bảo vệ gồm nhôm phosphat phân tán mịn làm liền nhanh ổ viêm và loét, bảo vệ niêm mạc dạ dày chống lại tác động bên ngoài và làm người bệnh dễ chịu ngay. Nhôm phosphat gây táo bón, nên cũng thường kết hợp với thuốc kháng acid chứa magnesi hydroxyd là thuốc có tác dụng nhuận tràng. Nhưng khác với nhôm hydroxyd, nhôm phosphat không gắn vào phosphat thức ăn trong dạ dày ruột nên không làm giảm phosphat huyết.

Bình thường thuốc không được hấp thu vào cơ thể và không ảnh hưởng đến cân bằng acid-base của cơ thể.

Nhôm phosphat cũng được dùng làm chất phụ (tá dược) trong vắc xin hấp phụ, nhưng có báo cáo về phản ứng phụ do nhôm.

2. ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Khi uống, nhôm phosphat hòa tan chậm trong dạ dày và phản ứng chậm với acid hydroclorid để tạo thành nhôm clorid hoà tan, một số ít được hấp thu vào cơ thể. Ngoài việc tạo nhôm clorid, nhôm phosphat còn tạo acid phosphoric. Uống lúc no, thuốc ở lâu trong dạ dày, nên kéo dài thời gian phản ứng của nhôm phosphat với acid hydroclorid dạ dày và làm tăng lượng nhôm clorid. Khoảng 17 - 30% lượng nhôm clorid tạo thành được hấp thu và nhanh chóng được thận đào thải ở người có chức năng thận bình thường. Nhôm phosphat không tan trong nước, không được hấp thu sẽ đào thải qua phân. Nhôm phosphat không gắn vào phosphat từ thức ăn, do đó không gây mất phospho. Nhôm phosphat không cản tia X. Nhôm phosphat có khả năng trung hòa (tăng pH): 10%, khả năng đệm (duy trì xung quanh một pH cố định): 90% ở pH 1,6.

3. CHỈ ĐỊNH:

Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày (chứng ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu do tăng acid).

Điều trị tăng acid dạ dày trong loét dạ dày tá tràng (nhưng hiện nay còn nhiều cách điều trị hiệu quả hơn và không tái phát).

Phòng và điều trị loét và chảy máu dạ dày tá tràng do stress.

Điều trị triệu chứng trào ngược dạ dày thực quản.

4. LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:

Cách dùng:

Thuốc dùng đường uống, uống giữa các bữa ăn hoặc khi thấy khó chịu.

Liều dùng:

Liều dùng thông thường: 1 - 2 gói/ lần, ngày 2 - 3 lần.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Các trường hợp mẫn cảm với nhôm hoặc các chế phẩm có chứa nhôm hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Tránh điều trị liều cao lâu dài ở người bệnh suy thận.

Nếu điều trị thuốc kháng acid trong vòng 2 tuần mà không đỡ các triệu chứng như đầy bụng, ợ nóng, ợ chua thì phải đi khám bệnh. Nếu táo bón, có thể dùng xen kẽ hoặc chuyển sang dùng thuốc kháng acid chứa magnesi.

Cảnh báo liên quan tá dược

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có chứa sorbitol. Bệnh nhân bị bệnh di truyền hiếm gặp kém dung nạp fructose không nên sử dụng.

ALUMINIUM PHOSPHAT GEL có chứa methyl paraben và propyl paraben có thể gây dị ứng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thời kỳ mang thai:

Các thuốc kháng acid thường được coi là an toàn. Có thể dùng thuốc này cho phụ nữ có thai, miễn là tránh dùng lâu dài liều cao.

Thời kỳ cho con bú:

Mặc dù một lượng nhỏ nhôm được thải trừ qua sữa, nhưng nồng độ không đủ gây tác hại đến trẻ bú mẹ.

Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác): Chưa có báo cáo về ảnh hưởng bất lợi của thuốc trên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

7. TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC:

Tất cả các thuốc kháng acid đều có thể làm tăng hoặc giảm tốc độ và mức độ hấp thu của các thuốc dùng đồng thời, do làm thay đổi thời gian dịch chuyển qua đường dạ dày ruột, hoặc do liên kết hoặc tạo phức với thuốc. Ví dụ: Tetracyclin tạo phức với các thuốc kháng acid. Do vậy, dùng tetracyclin phải cách 1 - 2 giờ trước hoặc sau khi dùng các thuốc kháng acid.

Các thuốc kháng acid làm giảm hấp thu các thuốc: Digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, clodiazepoxid, naproxen.

Các thuốc kháng acid làm tăng hấp thu dicumarol, pseudoephedrin, diazepam.

Các thuốc kháng acid làm tăng pH nước tiểu, làm giảm thải trừ các thuốc là bazơ yếu, tăng thải trừ các thuốc là acid yếu (amphetamin, quinidin là các bazơ yếu, aspirin là acid yếu).

8. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thường gặp, ADR < 1/10:

Tiêu hóa: Táo bón.

Thuốc có thể gây ra các tác dụng không mong muốn khác. Cần theo dõi chặt chẽ và khuyến cáo bệnh nhân thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

9. QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

Chưa có báo cáo về các trường hợp dùng quá liều.

10. CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO: Không dùng quá liều chỉ định.

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

11. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ BIỂU TƯỢNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Sản xuất tại:



DAVIPHARM

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
(DAVIPHARM)**

Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: 0274.3567.687 Fax: 0274.3567.688